

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2023
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Quang.
2. Ông Trương Sô Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 242/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông **D Minh S**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực Hòa An, Phường TH, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2/ Bị đơn: Bà **Lê Thùy D**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực Hòa An, Phường TH, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: số 294/2 khu vực TT, phường TL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Ông D Minh S trình bày: Vào năm 2008 sau một thời gian quen biết tìm hiểu giữa ông và bà D đã được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TH, quận Ô Môn.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên D Lê Anh T, sinh ngày 23/02/2009; D Chấn Kh, sinh ngày 24/04/2012 và D T Khanh, sinh ngày 11/12/2013. Hiện tại các con đang sống với bà ngoại từ khi mới sinh ra cho đến nay.

Hai vợ chồng cùng chung sống lao động làm ăn ở bên vợ, thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2022 thì bà D gồm tiền bỏ nhà đi 1 tuần mới về, tháng

07/2022 bà D đã bỏ đi, đem đồ cá nhân mà không nói gì. Đồng thời bà D đăng trên mạng chụp hình chung với người đàn ông khác.

Nay xét thấy không còn tình cảm, để trả tự do cho nhau, mỗi người có cuộc sống riêng tư không phải ràng buộc lẫn nhau nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thùy D.

Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D Lê Anh T, sinh ngày 23/02/2009 đến trưởng thành còn D Chấn Kh, sinh ngày 24/4/2012 và D T Khanh, sinh ngày 11/12/2013 ông đồng ý giao cho bà Lê Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thùy D đã được Tòa triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông D Minh S và bà Lê Thùy D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên Ông S khởi kiện ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Lê Thùy D đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Ông D Minh S và bà Lê Thùy D chung sống với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND Phường TH, quận Ô Môn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn. Ông D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên bà Lê Thùy D đã bỏ nhà ra đi từ tháng 7/2022 đến nay. Trong suốt quá trình ly thân không ai quan tâm đến ai. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã triệu tập bà D nhiều lần mục đích nhằm động viên vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng bà D đều vắng mặt không rõ lý do. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông S và bà D thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Thiết nghĩ cần phải chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D Minh S.

[4] *Về con chung:* Có 03 người con tên D Lê Anh T, sinh ngày 23/02/2009, D Chấn Kh, sinh ngày 24/4/2012 và D T Khanh, sinh ngày 11/12/2013. Ông D Minh S yêu cầu được nuôi cháu D Lê Anh T và đồng thời ổn định cho bà Lê Thùy D nuôi dưỡng cháu D Chấn Kh và D T Khanh.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cháu T Anh có nguyện vọng được chung sống với ông S, đối với cháu Chấn Kh và Chấn Khanh có nguyện vọng được

sống chung với bà D. Do đó, để ổn định cho các cháu có cuộc sống bình thường và theo nguyện vọng của các cháu, thiết nghĩ cần phải chấp nhận yêu cầu của ông D Minh S.

[5] *Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con*: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở ông S và bà D thực hiện quyền này.

[6] *Về tài sản chung*: Không có.

[7] *Về nợ chung*: Không có.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D Minh S.

- Về hôn nhân: ông D Minh S được ly hôn với bà Lê Thùy D.

- Về con chung: giao D Lê Anh T, sinh ngày 23/02/2009 cho ông D Minh S trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành; giao cháu D Chấn Kh, sinh ngày 24/04/2012 và D T Khanh, sinh ngày 11/12/2013 cho bà Lê Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông D Minh S và bà Lê Thùy D không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: không có.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông D Minh S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003618 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (công nhận ông S đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q.Ô Môn;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND (nơi đkkh);
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phương Văn Chính